

MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954 - 1975)

TS TRẦN THỊ NHẪN

Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Sau khi Hiệp định Giơnevơ ký kết (1954), miền Bắc Việt Nam được hưởng hòa bình, độc lập. Đảng chủ trương lãnh đạo miền Bắc chuyển từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện rất nhiều khó khăn, với xuất phát điểm thấp. Tuy nhiên, miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa khi hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới đã lớn mạnh. Quá trình phát triển nhận thức, hình thành đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ở miền Bắc trong những năm 1954-1975, có nhiều yếu tố tác động, chủ quan và khách quan, trong đó có những nguyên tắc chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội, mô hình, biện pháp thực hiện, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và các nước Đông Âu.

Từ khóa: Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội; hệ thống xã hội chủ nghĩa; miền Bắc Việt Nam



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trường thủy nông Bắc-Hưng-Hải - một biểu tượng của công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, năm 1958

1 Từ sau Chiến tranh thế giới II, CNXH trở thành một xu thế phát triển trên thế giới. “Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô đứng đầu đã trở thành một khối thống nhất và hùng mạnh bao gồm 12 nước, với 1.000 triệu dân, tức là hơn một phần ba dân số, chiếm gần một phần tư đất đai toàn thế giới. Lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa về nhiều mặt đã hơn hẳn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc, và hiện nay là nhân tố quyết định trong sự phát triển của tình hình thế giới. Chủ nghĩa xã hội ngày càng biểu hiện rõ rệt ưu thế của mình và ngày càng có sức thu hút mạnh mẽ đối với nhân dân lao động toàn thế giới”¹.

Cùng với sự lớn mạnh của hệ thống, nền kinh tế của mỗi nước trở thành bộ phận khăng khít của hệ thống kinh tế XHCN thế giới. Vận dụng nguyên tắc phân công và hợp tác quốc tế XHCN, mỗi nước có thể dựa vào lực lượng kinh tế hùng mạnh của cả phe XHCN để xây dựng và phát triển kinh tế của mình, có thể thực hiện sự phối hợp thích đáng trong các kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế quốc dân. Sự hợp tác toàn diện giữa các nước XHCN trên tất cả các lĩnh vực đã làm cho CNXH trở thành một hệ thống ngày càng lớn mạnh.

Tháng 11-1957, Hội nghị đại biểu 64 đảng cộng sản và công nhân được tổ chức tại Matxcova. Hội nghị đã tổng kết công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô, thừa nhận sự đa dạng các hình thức quá độ từ CNTB lên CNXH, khả năng thực hiện cách mạng XHCN bằng con đường hòa bình và giành chính quyền không cần nội chiến. Tuy nhiên, Hội nghị nhấn mạnh cho dù hình thức cải tạo và xây dựng CNXH ở các nước khác nhau nhưng đều tuân theo quy luật chung trên cơ sở kinh nghiệm của cách mạng Liên Xô, đó là: “Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là Đảng mác-xít lê-nin-nít đối với quần chúng lao động trong sự tiến hành cuộc cách mạng vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác và trong sự kiến lập nền

chuyên chính vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác; sự liên minh của giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác; sự thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất cơ bản; sự cải tạo dần dần nền nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội; sự phát triển nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch, hướng vào chỗ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vào chỗ nâng cao mức sống của những người lao động, thực hiện cách mạng xã hội trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa và đào tạo tầng lớp trí thức đông đảo trung thành với giai cấp công nhân; xóa bỏ sự áp bức dân tộc và xây dựng bình đẳng và tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc; bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội, chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong; sự đoàn kết của giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân của tất cả các nước khác tức là chủ nghĩa quốc tế vô sản”². Đó chính là những quy luật phổ biến của công cuộc cách mạng XHCN và xây dựng CNXH chung cho các nước.

Trong bản Tuyên bố chung của Hội nghị cũng nêu rõ: “Các nước xã hội chủ nghĩa đều tập hợp trong khối liên minh thống nhất vì cùng chung một con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, cùng chung một tính chất giai cấp của chế độ xã hội, kinh tế và chính quyền nhà nước, vì yêu cầu ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau, vì sự cùng chung những lợi ích và mục đích trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vì tất cả đều cùng chung nhau một hệ thống tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin”³.

Tiếp đó, tháng 11-1960, Hội nghị đại biểu của 81 đảng cộng sản và công nhân họp ở Matxcova. Mặc dù có nhiều phức tạp trong nội bộ hệ thống, song, Hội nghị vẫn cơ bản thống nhất được những nguyên tắc chung về con đường đi lên CNXH, với những nội dung cơ bản: tiến hành cải cách dân

chủ tiến tới cải tạo XHCN, nâng cao và tập trung vai trò quản lý kinh tế của nhà nước, đưa nền kinh tế đi vào quỹ đạo CNXH; tiến hành công nghiệp hóa, phát triển nền đại công nghiệp; tiến hành tập thể hóa nông trường quốc doanh và nông trường tập thể; củng cố hệ thống chính trị, các nhà nước XHCN đều xây dựng trên nền tảng liên minh công-nông, đại biểu cho quyền lợi của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân năm 1960 tiếp tục ra Tuyên ngôn 10 quy luật xây dựng CNXH, trong đó, nhấn mạnh: Nội dung chủ yếu của thời đại là sự quá độ từ CNTB lên CNXH; các đảng cộng sản và công nhân các nước XHCN coi nghĩa vụ quốc tế của mình là giải quyết trong một thời gian ngắn nhất nhiệm vụ lịch sử là vượt hệ thống CNTB về sản lượng tuyệt đối của công nghiệp và nông nghiệp, vượt tất cả các nước TBCN có nền kinh tế phát triển nhất về sản lượng tính theo đầu người và về mức sống.

Hội nghị khẳng định: Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH và CNCS có ý nghĩa nguyên tắc đối với toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế⁴.

Qua mô hình xây dựng CNXH ở Liên Xô và các nước XHCN đi trước cho thấy, mặc dù hình thức cải tạo và xây dựng CNXH ở mỗi nước có khác nhau nhưng đều tuân theo quy luật chung:

Thứ nhất, cách mạng do giai cấp công nhân mà đội tiên phong là đảng cộng sản lãnh đạo, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác.

Thứ hai, các nước đều tiến hành xây dựng chế độ sở hữu công cộng đối với phương tiện sản xuất chủ yếu, dưới hình thức sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, kế hoạch hóa nền kinh tế. Phương thức tiến hành là công nghiệp hóa và tập thể hóa nông trường quốc doanh và nông trường tập thể.

Thứ ba, tiến hành đồng thời cuộc cách mạng trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

Như vậy, những nguyên tắc chung về xây dựng CNXH được đề ra tại hai Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, năm 1957 và năm 1960, trở thành kim chỉ nam, vạch đường lối cho cách mạng XHCN ở các nước noi theo, trong đó có Việt Nam.

2 Từ đầu năm 1950, sau khi được các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức trở thành thành viên của hệ thống XHCN thế giới. Việt Nam là nước đứng vào hệ thống XHCN muộn hơn, đặc biệt, bắt đầu xây dựng CNXH chỉ trên một nửa đất nước. Từ xuất phát điểm đó, Đảng Lao động Việt Nam đã khẳng định: “Đối với nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, thì sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa là một sự cần thiết không thể thiếu được, là một nhân tố rất quan trọng”⁵. Đồng thời, Đảng Lao động Việt Nam cũng nhận thức rõ: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng triệt để nhất... Để giành thắng lợi cho sự nghiệp lớn lao đó, chúng ta phải nắm vững những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải học tập những kinh nghiệm quý báu của các nước anh em, đồng thời phải khéo vận dụng những nguyên lý và kinh nghiệm ấy vào điều kiện cụ thể nước ta, tìm ra những hình thức, phương pháp, bước đi, tốc độ thích hợp với đặc điểm nước ta”⁶.

Với tư cách là một bộ phận của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là một thành viên của hệ thống XHCN, đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đã tham dự đầy đủ hai Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, lần thứ nhất năm 1957 và lần thứ hai năm 1960. Những tuyên bố chung về CNXH

đã được đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam tham gia góp ý xây dựng và lĩnh hội nghiêm túc.

Phát biểu tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam cho rằng nội dung của bản Tuyên bố là hoàn toàn đúng đắn và chúng tôi hoàn toàn nhất trí với bản Tuyên bố. Chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện đường lối chính trị được xác định trong bản Tuyên bố, nhằm đạt được những thắng lợi mới và củng cố chủ nghĩa xã hội, bảo vệ hòa bình trên toàn thế giới”⁷.

Về việc thực hiện những nguyên tắc chung xây dựng CNXH theo Tuyên bố năm 1957, Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: “Sự phát triển của tình hình thế giới ngày càng chứng tỏ những luận điểm nêu trong Tuyên bố và Bản Tuyên ngôn hòa bình Matxcova năm 1957 là hoàn toàn đúng đắn”⁸. Đồng thời nêu rõ: “Đảng ta luôn tỏ ra tuyệt đối trung thành với bản Tuyên bố năm 1957. Từ nay về sau, cũng như đối với bản tuyên bố năm 1957 trước đây, Đảng ta nguyện triệt để ủng hộ và tuân theo bản Tuyên bố mới, coi đó là vũ khí sắc bén của mình để tăng cường lực lượng về mọi mặt và thống nhất giành những thắng lợi mới”⁹.

Tháng 9-1960, Đại hội III của Đảng đề ra đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam. Dựa trên những nguyên tắc chung về hình thức, phương pháp, bước đi theo kinh nghiệm Liên Xô và các nước XHCN đi trước, Đảng chính thức hoạch định đường lối cách mạng XHCN, lãnh đạo miền Bắc bỏ qua giai đoạn phát triển CNTB đi lên xây dựng CNXH; trong đó, xác định rõ tính chất và mục tiêu của cách mạng XHCN: “Là một cuộc cách mạng triệt để nhất và sâu sắc nhất trong lịch sử loài người. Nó xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xóa bỏ bóc lột và giai cấp bóc lột, thực hiện công hữu về tư liệu sản xuất, mở đường cho sức sản xuất từ trình độ lạc hậu tiến lên trình độ hiện đại... Nó không những là một cuộc

cách mạng triệt để về kinh tế, chính trị, mà còn là một cuộc cách mạng triệt để về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật”¹⁰.

“Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phải là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt nhằm đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ chế độ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc và lạc hậu, xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại, làm cho miền Bắc tiến bộ mau chóng, thành cơ sở ngày càng vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà”¹¹.

Đảng nhận thức rõ cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc phải trải qua thời kỳ quá độ. Nhiệm vụ đặt ra cho thời kỳ quá độ là:

- Phá bỏ quan hệ sản xuất TBCN, biến các tư liệu sản xuất trong tay tư bản thành của cải của xã hội.
- Cải tạo XHCN ở nông thôn, biến kinh tế cá thể thành kinh tế tập thể, kinh tế sản xuất nhỏ thành kinh tế sản xuất lớn.
- Xây dựng thành phần kinh tế XHCN lớn mạnh, đóng vai trò chủ đạo trong việc cải tạo XHCN của nền kinh tế quốc dân.
- Sau khi hoàn thành cải cách dân chủ, cải tạo XHCN, sẽ tiến hành công cuộc xây dựng CNXH, theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN, trong đó, ngành công nghiệp nặng được ưu tiên hàng đầu. Quan hệ sản xuất được xác lập dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, với hai hình thức sở hữu nhà nước và tập thể. Cùng với tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực kinh tế, cách mạng XHCN được tiến hành đồng thời trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa.

Tiếp tục tham dự và phát biểu tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế tháng 11-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “... bản Tuyên bố mới sẽ là cơ sở vững chắc để tăng cường đoàn

kết nhất giữa các đảng chúng ta, sẽ là vũ khí sắc bén của tất cả chúng ta trong công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành những thắng lợi mới cho chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, hòa bình và dân chủ trên toàn thế giới”¹².

Ngoài tham gia hai Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế năm 1957 và năm 1960, trong những năm 1954-1975, nhằm học hỏi từ thực tiễn công cuộc xây dựng CNXH ở các nước XHCN; đồng thời, tăng cường quan hệ, trao đổi quan điểm, kinh nghiệm về xây dựng CNXH với các nước XHCN, Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cử nhiều đoàn đại biểu thăm chính thức các nước XHCN anh em.

Có thể khẳng định, hệ thống XHCN đã tác động rõ đến quá trình nhận thức và hình thành đường lối cách mạng XHCN của Đảng để lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc Việt Nam. Trong quá trình thực hiện, Đảng đã trung thành theo những nguyên tắc chung về xây dựng CNXH của hệ thống XHCN, vận dụng vào quá trình chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, đã tạo được những thành tựu cơ bản trong bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc trở thành hậu phương lớn chi viện cho miền Nam giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3 Qua nghiên cứu về những tác động của mô hình chủ nghĩa xã hội đến sự hình thành đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội

ở miền Bắc (1954-1975) bước đầu đưa ra một số nhận xét sau:

Một là, hệ thống XHCN đã lớn mạnh, tạo được vị thế trên trường quốc tế và uy tín đối với chính các nước XHCN. Điển hình là Liên Xô, từ năm 1950, Liên Xô đứng đầu châu Âu và đứng thứ hai thế giới về sản lượng điện; trong khoa học-kỹ thuật, Liên Xô là nước đầu tiên trên thế giới sản xuất điện nguyên tử và sau đó phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên vũ trụ; về quân sự, sau khi sản xuất được bom khinh khí vào năm 1953, tháng 10-1957,

Liên Xô sản xuất được tên lửa vượt đại châu... Sự lớn mạnh của Liên Xô về kinh tế và quốc phòng đã làm tăng vị thế của các nước XHCN trên thế giới.

Các nước XHCN được sự giúp đỡ của Liên Xô tiếp tục đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội. Năm 1955, công nghiệp Ba Lan tăng gấp 4 lần trước chiến tranh, trong đó, có nhiều ngành công nghiệp mới ra đời. Năm 1956, Cộng hòa Dân chủ Đức thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai, trở

thành nước đứng đầu châu Âu về sản lượng điện, đứng thứ hai thế giới về sản lượng hóa chất theo đầu người. Đồng thời, các nước XHCN Đông Âu đều hoàn thành công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp và bước vào xây dựng CNXH với quy mô lớn. Ở châu Á, năm 1957, Trung Quốc hoàn thành kế hoạch 5 năm (1953-1957) với nhiều kết quả mới trong phát triển kinh tế-xã hội.

Thành tựu đó chứng minh tính ưu việt của mô hình XHCN và cách thức xây dựng CNXH mà

Từ năm 1954 đến năm 1975, thời kỳ miền Bắc đi lên CNXH. Vấn đề cốt lõi của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng XHCN ở miền Bắc là xác lập quan hệ sản xuất XHCN, kiến lập mô hình và phương pháp tiến hành. Đường lối xây dựng CNXH ở Việt Nam đã phản ánh sự ảnh hưởng rõ nét những vấn đề cơ bản của mô hình CNXH của Liên Xô và các nước XHCN. Xuất phát từ lý do khách quan và chủ quan, ảnh hưởng của hệ thống XHCN, cụ thể là Liên Xô, đối với Việt Nam là tất yếu.

Liên Xô cùng các nước phát triển XHCN đi trước thực hiện, là mẫu hình để các nước XHCN đi sau, trong đó có Việt Nam, tin tưởng, học tập.

Hai là, Đảng Lao động Việt Nam định hướng đưa miền Bắc đi lên CNXH trong khi chưa có một mô hình CNXH và đường lối xây dựng CNXH cụ thể. Trong điều kiện vừa ra khỏi chiến tranh, phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, việc có sẵn mô hình CNXH đã hình thành trên thế giới là một thuận lợi lớn để Đảng và Nhà nước Việt Nam kế thừa, học tập, vận dụng. Nhận thức chủ quan của Đảng và Nhà nước Việt Nam về mô hình CNXH được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn xây dựng CNXH tại một nước XHCN lớn mạnh như Liên Xô sẽ là mô hình lý tưởng.

Ba là, do xuất phát điểm xây dựng CNXH ở miền Bắc rất thấp và gặp nhiều khó khăn nên Việt Nam rất cần sự ủng hộ, viện trợ lớn từ hệ thống XHCN để thực hiện mục tiêu cách mạng đề ra. Do vậy, việc áp dụng mô hình xây dựng CNXH của Liên Xô và các nước XHCN đi trước sẽ là cơ sở để Việt Nam nhận được sự đồng tình và ủng hộ, giúp đỡ lớn về các lĩnh vực của hệ thống XHCN, tạo điều kiện thuận lợi cho miền Bắc Việt Nam tiến hành xây dựng CNXH. Sau năm 1954, cả Liên Xô và Trung Quốc thực hiện nghĩa vụ quốc tế, tập trung ủng hộ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, giúp đỡ Việt Nam hàn gắn, phục hồi, phát triển kinh tế sau chiến tranh. Trong suốt những năm xây dựng CNXH (1954-1975), miền Bắc nhận được sự giúp đỡ to lớn từ Liên Xô, Trung Quốc và một số nước XHCN, tạo điều kiện thuận lợi cho miền Bắc nhanh chóng phục hồi, phát triển kinh tế, chính trị, quân sự quốc phòng, văn hóa-giáo dục.

Tuy nhiên, nguyên tắc chung xây dựng CNXH của hệ thống XHCN sớm bộc lộ tính quan liêu khi lấy kinh nghiệm của một nước là Liên Xô để khái quát thành nguyên tắc chung. Trong khi đó,

mô hình và cách thức xây dựng CNXH của Liên Xô và các nước đi trước-trên thực tế ngay trong quá trình thực hiện-đã bộc lộ những khuyết tật, hạn chế:

Thứ nhất, coi tính ưu việt của CNXH là chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, dưới hình thức sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, kế hoạch hóa nền kinh tế; chứ không phải ở năng suất lao động và chú trọng đời sống nhân dân. Hạn chế đó ảnh hưởng rõ đến đường lối xây dựng CNXH ở Việt Nam. Từ nền kinh tế nhiều thành phần sau khi miền Bắc được giải phóng, trong 3 năm 1958-1960, miền Bắc tiến hành cải tạo XHCN, xác lập chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu, hình thành lên hình thức sở hữu nhà nước và tập thể. Điều đó, ngay từ đầu đã làm mất đi động lực của nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, bộc lộ rõ mâu thuẫn về tính phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đó là xây dựng quan hệ sản xuất XHCN đi trước một bước lực lượng sản xuất XHCN. Điều đó khi vận dụng vào điều kiện phát triển lực lượng sản xuất của miền Bắc đã sớm bộc lộ hạn chế, bởi xuất phát điểm của miền Bắc đi lên xây dựng CNXH rất thấp kém, từ một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, lại chịu hậu quả nặng nề do chiến tranh tàn phá.

Thứ ba, tư tưởng xây dựng CNXH thể hiện tư duy nóng vội, nhanh chóng bước qua thời kỳ quá độ lên CNXH để tiến nhanh đến CNCS. Đại hội XIV Đảng Bôn-sê-vích Nga (12-1925) đề ra chủ trương công nghiệp hóa, mục tiêu phấn đấu trong một thời gian ngắn nhất phải trở thành cường quốc công nghiệp tiên tiến, đuổi kịp và vượt các nước TBCN. Đại hội lần thứ XX (1956), Đảng Cộng sản Liên Xô, dự kiến mục tiêu đến đầu thập niên 70 (thế kỷ XX) sẽ hoàn thành xây dựng CNCS, đảm bảo

con người làm việc theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu.

Những hạn chế của mô hình CNXH đó đã tác động, ảnh hưởng rõ đến đường lối cách mạng CNXH và công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Đại hội III (9-1960) của Đảng xác định đường lối chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH là: "...đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà"¹³. Thực hiện công nghiệp hóa XHCN bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời, ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Thực tế cho thấy, miền Bắc không đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực để có thể tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH được. Trong khi đó, thời kỳ quá độ lên CNXH phải trải nhiều giai đoạn với những mục tiêu và nhiệm vụ khác nhau. Việc xóa bỏ các thành phần kinh tế gắn với kinh tế tư nhân không phù hợp. Việc ưu tiên cho phát triển công nghiệp nặng cũng không hợp lý trong khi chúng ta phải tích lũy và nâng cao mức sống của nhân dân.

Có thể nói, đường lối lãnh đạo miền Bắc xây dựng CNXH trên cơ sở vận dụng những nguyên tắc chung của hệ thống XHCN thể hiện ở tính chủ quan, duy ý chí, nóng vội; "những nguyên tắc cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là những vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nói chung chưa được nhận thức một cách sâu sắc... trong quản lý kinh tế là lối quản lý quan liêu, hành chính, xem nhẹ hiệu quả, năng suất và chất lượng..."¹⁴.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã từng bước nhận thức được những hạn chế, khuyết

tật của mô hình CNXH, ở những thời điểm chưa phù hợp và đối với thực tiễn của Việt Nam giai đoạn 1954-1975, từ đó từng bước điều chỉnh, đưa đến đổi mới mô hình và phương thức xây dựng CNXH thời kỳ đổi mới nhằm đạt mục tiêu xây dựng thành công CNXH trên đất nước Việt Nam.

1, 5, 6, 8, 10, 11, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr. 612-613, 535, 528-529, 938, 528-529, 531, 558-559

2. "Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa", họp từ ngày 14 đến ngày 16-11-1957. Xem *Cương lĩnh chung của chúng ta*, Nxb ST, H, 1960, tr. 24

3. "Tuyên bố Matxcova năm 1957". Theo Bùi Công Trừng: *Miền Bắc Việt Nam trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb ST, H, 1960, tr. 191

4. Xem *Văn kiện Hội nghị đặc biệt các đảng cộng sản và công nhân tại Matxcova tháng 11-1960*, Nxb ST, H, 1961, tr. 74-78

7. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 11, tr. 191

9. *Xã luận báo Nhân Dân*, ngày 7-2-1960

12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 12, tr. 716

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 37, tr. 496-497.